

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 415 /2024/HSPT
Ngày 20/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hồng Sơn;

Các Thẩm phán: Ông Đặng Đình Lực;
Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Hòa - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1235/2023/TLPT-HS ngày 01 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo Vũ Thị H1 bị xét xử sơ thẩm về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, do có kháng cáo của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2023/HS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Vũ Thị H1, sinh năm 1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn LK, xã HK, huyện BG, tỉnh HD; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đình D3 và bà Đào Thị L2; bị cáo có chồng và có 02 con (con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015); chưa có tiền án, tiền sự; bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 07/10/2022 đến nay (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo:

1. Luật sư Vũ Năm - Văn phòng luật sư Hải Hưng, Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương (có mặt);
2. Luật sư Đỗ Thị Ánh Tuyết - Công ty luật TNHH Lưu Đại Nghĩa, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (có mặt);

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:**

1. Chị Đặng Thị D1, sinh năm 1984; địa chỉ: Khu dân cư ĐX, phường TM, TP. HD, tỉnh HD (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

2. Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn UH, xã MT, huyện NS, tỉnh HD (vắng mặt không có lý do);

3. Chị Vũ Thị D2, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn LK, xã HK, huyện BG, tỉnh HD (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền của chị D2: Chị Đỗ Thị H2 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại chị Đỗ Thị H3, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn T1, chị Nguyễn Thị T2, anh Nguyễn Hữu H4, anh Nguyễn Đình T3 không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức giao cho chị Đỗ Thị H3 để vay tiền rồi chiếm đoạt

Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2020 đến tháng 11/2021, Vũ Thị H1 là giáo viên của trường mầm non Kidhouse, địa chỉ: thôn Tràng Kỹ, xã Tân Trường, huyện CG (trước đó H1 là giáo viên trường mầm non HK nhưng đã xin nghỉ việc), ngoài công việc giảng dạy, H1 còn kinh doanh bất động sản, thẻ học trực tuyến trên mạng, mở các trung tâm giáo dục... Để có tiền kinh doanh, H1 đã vay tiền của 06 người với tổng số tiền 6.805.000.000 đồng, trong đó: Vay chị Đặng Thị D1 500.000.000 đồng; vay chị Vũ Thị D2 900.000.000 đồng; vay chị Nguyễn Thị T2 2.000.000.000 đồng; vay anh Nguyễn Đình T3 3.200.000.000 đồng; vay anh Nguyễn Hữu H4 30.000.000 đồng và vay chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1992, trú tại: Khu đô thị Hà Phương, thị trấn Thanh Miện, huyện Thanh Miện 175.000.000 đồng, khi vay tiền H1 và người cho vay không viết giấy vay tiền, không ấn định thời hạn trả nợ mà chỉ thỏa thuận khi cần tiền thì người cho vay thông báo trước để H1 trả tiền. Do tình hình dịch bệnh Covid-19, hoạt động kinh doanh của H1 không hiệu quả nên H1 không có tiền trả nợ cho những người đã cho H1 vay tiền. Trong khoảng thời gian từ 10/2021 đến tháng 12/2021, những người cho H1 vay tiền thúc ép H1 phải trả tiền vay. Để có tiền trả nợ, H1 đã đến gặp chị Đỗ Thị H3 đặt vấn đề vay tiền chị Huệ để vợ chồng Huệ làm vốn kinh doanh tại Công ty TNHH Trí Tuệ TH, địa chỉ: thôn LK, xã HK, huyện BG (Công ty Trí Tuệ TH) do anh Nguyễn Văn T1 là chồng H1 làm Giám đốc, kinh doanh bất động sản, kinh doanh trong lĩnh vực giáo dục như mua thẻ học tiếng Anh trực tuyến, trả kinh phí tổ chức các lớp học, chị H3 tin tưởng nên đồng ý cho H1 vay tổng số tiền 4.050.000.000 đồng. Trong quá trình vay tiền của chị H3, H1 sử dụng máy vi tính xách tay nhãn hiệu Dell Latitude E7240, Máy in nhãn hiệu Canon LBP 2900 của gia đình H1 soạn thảo và giao cho chị H3 các tài liệu giả để chứng minh khả năng trả nợ và mục đích sử dụng tiền vay, việc vay tiền và sử dụng tiền vay của chị H3; cụ thể như sau:

Từ ngày 12/10/2021 đến ngày 15/10/2021, do cần tiền để mua thẻ học tiếng Anh trực tuyến, H1 đến gặp chị H3 đặt vấn đề vay số tiền 400.000.000 đồng, chị

H3 đồng ý và sử dụng ứng dụng chuyển tiền trên điện thoại chuyển 200.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng Agribank số 2309197299999 của chị H3 đến tài khoản ngân hàng Techcombank số 19035720148012 của H1 và giao trực tiếp cho H1 số tiền 200.000.000 đồng, có viết giấy biên nhận, không ấn định thời hạn trả nợ mà chỉ thỏa thuận khi cần tiền thì chị H3 thông báo trước để H1 trả tiền. Sau đó H1 chuyển số tiền 300.000.000 đồng cho 01 người đàn ông tên Dũng (không rõ nhân thân lai lịch) để mua thẻ học tiếng Anh trực tuyến, còn lại số tiền 100.000.000 đồng, H1 chưa dùng đến nên đã chuyển trả chị H3.

Ngày 20/11/2021, do bị chị D1 thúc ép trả nợ, H1 đã đến gặp chị H3 đặt vấn đề vay số tiền 400.000.000 đồng để mua thẻ học tiếng Anh trực tuyến và trả kinh phí tổ chức các lớp học, chị H3 đồng ý và sử dụng ứng dụng chuyển tiền trên điện thoại chuyển 100.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng Agribank số 2309197299999 của chị H3 đến tài khoản ngân hàng Techcombank số 19035720148012 của H1 và giao trực tiếp cho H1 số tiền 300.000.000 đồng, có viết giấy biên nhận, không ấn định thời hạn trả nợ mà chỉ thỏa thuận khi cần tiền thì chị H3 thông báo trước để H1 trả tiền. Ngay sau khi nhận tiền của chị H3 bằng hình thức chuyển khoản, H1 chuyển 100.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng MBbank số 962012345888 của chị D1 để trả nợ; chuyển số tiền 100.000.000 đồng cho 01 người đàn ông tên Dũng để mua thẻ học tiếng Anh trực tuyến; còn lại số tiền 200.000.000 đồng, H1 chưa dùng đến nên đã chuyển trả chị H3.

Ngày 21/11/2021, do bị chị anh H4, chị L1 thúc ép trả nợ và cần tiền để mua thẻ học tiếng Anh trực tuyến, H1 truy cập vào trang mạng lấy mẫu 02 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, in ra rồi tự điền thông tin người mua là H1, người bán là tên của 02 người do H1 tự nghĩ ra rồi ký tên vào mục bên mua, bên bán và mang đến gặp chị H3 đặt vấn đề vay số tiền 1.200.000.000 đồng của chị H3 để kinh doanh bất động sản và thẻ học tiếng Anh trực tuyến, chị H3 đồng ý và đã sử dụng ứng dụng chuyển tiền trên điện thoại chuyển 1.060.000.000 đồng từ khoản ngân hàng Agribank số 2309197299999 của chị H3 đến tài khoản ngân hàng Techcombank số 19035720148012 của H1 và giao trực tiếp cho H1 số tiền 140.000.000 đồng, có viết giấy biên nhận, không ấn định thời hạn trả nợ mà chỉ thỏa thuận khi cần tiền thì chị H3 thông báo trước để H1 trả tiền. Ngay sau khi nhận được tiền của chị H3 thông qua hình thức chuyển khoản, H1 chuyển tổng số tiền 180.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng MBbank số 585819929999 của chị L1 và tài khoản ngân hàng Agribank số 2309999938888 của anh H4 để trả nợ; chuyển số tiền 880.000.000 đồng cho người đàn ông tên Dũng để mua thẻ học tiếng Anh trực tuyến; còn lại số tiền 140.000.000 đồng H1 chưa dùng đến nên đã chuyển trả chị H3.

Ngày 29/11/2021, do bị chị T2 thúc ép trả nợ, H1 đã đến gặp chị H3 đặt vấn đề vay số tiền 650.000.000 đồng nói để kinh doanh bất động sản, chị H3 đồng ý và sử dụng ứng dụng chuyển tiền trên điện thoại chuyển 650.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng Agribank số 2309197299999 của chị H3 đến tài khoản ngân hàng Techcombank số 19035720148012 của H1, có viết giấy biên nhận, không ấn định thời hạn trả nợ mà chỉ thỏa thuận khi cần tiền thì chị H3 thông báo trước để H1 trả tiền. Ngay sau khi nhận được tiền, H1 chuyển số tiền 425.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng Vietinbank số 101899096789 của chị T2 để trả nợ; chuyển số tiền

78.000.000 đồng cho người đàn ông tên Dũng để mua thẻ học tiếng Anh trực tuyến; còn lại số tiền 147.000.000 đồng H1 chưa dùng đến nên đã chuyển trả chị H3.

Ngày 30/11/2021, do bị chị L1, chị T2 thúc ép trả nợ và cần tiền mua thẻ học tiếng Anh trực tuyến, H1 đã đến gặp chị H3 đặt vấn đề vay số tiền 500.000.000 đồng để mua thẻ học tiếng Anh trực tuyến, chị H3 đồng ý và sử dụng ứng dụng chuyển tiền trên điện thoại chuyển 500.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng Agribank số 2309197299999 của chị H3 đến tài khoản ngân hàng Agribank số 2309205258565 của H1, có viết giấy biên nhận, không ấn định thời hạn trả nợ mà chỉ thỏa thuận khi cần tiền thì chị H3 thông báo trước để H1 trả tiền. Ngay sau khi nhận được tiền, H1 chuyển số tiền 100.000.000 đến tài khoản ngân hàng Vietinbank số 101899096789 của chị T2 và tài khoản ngân hàng MBbank số 585819929999 của chị L1 để trả nợ; chuyển số tiền 400.000.000 đồng cho người đàn ông tên Dũng để mua thẻ học tiếng Anh trực tuyến.

Khoảng tháng 12/2021, do bị anh T3, D2, chị T2 thúc ép trả nợ, cần tiền mua thẻ học tiếng Anh trực tuyến và trả kinh phí tổ chức các lớp học, H1 soạn thảo hợp đồng kinh tế số 24 ngày 01/02/2021 về việc “thi công hàn Nozzle - Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 2” giữa Công ty cổ phần dịch vụ công nghiệp năng lượng MIS, địa chỉ: tổ 44, khu 4-B2, phường CÔ, thành phố CP, tỉnh QN (Công ty MIS) do anh Lê Viết H6 làm Tổng giám đốc và Công ty Trí tuệ TH do anh T1 làm giám đốc, H1 ký chữ ký của ông H6 và anh T1, lấy dấu của Công ty Trí Tuệ TH đóng giáp lai vào hợp đồng. Từ ngày 01/12/2021 đến ngày 27/12/2021, H1 mang hợp đồng kinh tế đến gặp chị H3 đặt vấn đề vay số tiền 900.000.000 đồng để làm vốn kinh doanh tại Công ty Trí Tuệ TH, mua thẻ học trực tuyến và trả kinh phí tổ chức các lớp học, chị H3 đồng ý và sử dụng ứng dụng chuyển tiền trên điện thoại chuyển 900.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng Agribank số 2309197299999 của chị H3 đến tài khoản ngân hàng Techcombank số 19035720148012 của H1, H1 viết giấy biên nhận vay chị H3 số tiền 700.000.000 đồng, còn lại 200.000.000 đồng cả hai quên nên không viết giấy biên nhận, không ấn định thời hạn trả nợ mà chỉ thỏa thuận khi cần tiền thì chị H3 thông báo trước để H1 trả tiền. Ngay sau khi nhận được tiền, H1 chuyển tổng số tiền 452.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng Agribank số 2309205247893 của anh T3, tài khoản ngân hàng Vietinbank số 101899096789 của chị T2 và tài khoản ngân hàng Agribank số 230920509811 của D2 để trả nợ; chuyển tổng số tiền 335.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng Techcombank số 19029616787011 của chị Phan Thị H5, sinh năm 1992, trú tại: Phường Xuân Phương, quận NTL, thành phố HN và tài khoản ngân hàng Vietinbank số 105873164695 của chị Trần Thị Phụng D4, sinh năm 1966, trú tại: Ấp 3, xã ĐT, huyện HM, thành phố HCM để trả tiền kinh phí tổ chức lớp học; còn lại số tiền 113.000.000 đồng H1 chưa dùng đến nên đã chuyển trả chị H3.

Tổng số tiền H1 đã vay của chị H3 là 4.050.000.000 đồng, trong đó chiếm đoạt để trả nợ là 1.257.000.000 đồng, sử dụng vào mục đích kinh doanh là 2.093.000.000 đồng, chuyển trả chị H3 số tiền 700.000.000 đồng.

Đến ngày 16/01/2022, chị H3 nhiều lần đòi tiền H1 nhưng H1 chưa có tiền trả nên chị H3 yêu cầu H1 lập hợp đồng đặt cọc về việc H1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất của H1 tại địa chỉ thửa đất số 42, tờ bản đồ 09 thôn LK, xã HK, huyện BG để đảm bảo cho khoản vay, nhưng sau đó cả hai đã xác định là không có sự

việc đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Đến ngày 03/3/2022, chị H3 đã làm đơn tố cáo H1 gửi Công an tỉnh Hải Dương.

2. Hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức để giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với anh Phạm Văn T4

Khoảng tháng 3/2021, trong quá trình làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, H1 gặp được 01 người đàn ông tên Tùng ở thành phố Hải Dương (không xác định được nhân thân, lai lịch), người này giao cho H1 01 tờ giấy (bản phô tô) có nội dung trích đo địa chính của thửa đất số 42, tờ bản đồ 09 thôn LK, xã HK, huyện BG (thửa đất này thuộc sở hữu của vợ chồng H1) bỏ trống mục chữ ký của Giám đốc văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện BG là ông Nguyễn Xuân T5, H1 đã giữ lại tờ giấy này. Đến khoảng tháng 12/2021, do muốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Phạm Văn T4, sinh năm 1979, trú tại: KĐT VM, thị trấn LC, huyện CG nên H1 đã dùng bút bi đen ký giả chữ ký của ông T5 trên tờ giấy có nội dung trích đo địa chính.

Ngày 23/12/2021, H1 đã sử dụng máy tính xách, máy in để soạn thảo các tài liệu sau: Hợp đồng kinh tế số 01 ngày 01/10/2021 về việc “Thi công đường ống nước cứu hỏa - Nhà máy nhiệt điện Sơn Động” giữa Công ty MIS và Công ty Trí Tuệ TH, H1 tự ký giả chữ ký của ông H6 - Tổng giám đốc Công ty MIS và anh T1, lấy dấu của Công ty Trí Tuệ TH đóng giáp lai;

Ngoài ra, H1 còn soạn 01 tờ giấy có hình thức, nội dung giấy xác nhận số 15 ngày 23/12/2021 của UBND huyện Bình Giang xác nhận chuyển đổi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 42, tờ bản đồ số 09, diện tích 461m², H1 tự ký giả tên của ông Nguyễn Trung Kiên - Chủ tịch UBND huyện BG, sử dụng dấu của Công ty Trí Tuệ TH đóng vào phần chữ ký giả.

Sau đó H1 mang các giấy tờ giả trên đến gặp anh T4 để làm căn cứ chứng minh quyền sử dụng đất của H1 là hợp pháp, H1 cần tiền kinh doanh nên mới chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh T4. Anh T4 đã chuyển cho H1 04 tỷ đồng để đặt cọc mua đất, không ký hợp đồng. Đến ngày 13/12/2021, tại Văn phòng bất động sản Xuân Hải, địa chỉ: KĐT VM, thị trấn LC, huyện CG, anh T4 cùng vợ chồng H1, T1 ký hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất với thời hạn đến ngày 13/01/2022, hai bên hoàn tất thủ tục chuyển nhượng và thanh toán tiền. Đến ngày 03/3/2022, do H1 chưa thực ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh T4 nên anh T4 đã làm đơn tố cáo H1 gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hải Dương. Đến ngày 03/7/2022, vợ chồng H1, T1 đã cùng với anh T4 lập hợp đồng thỏa thuận về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh T4 và anh T4 xác định việc giao tiền đặt cọc để chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho H1 là giao dịch dân sự và H1 đã thực hiện xong nghĩa vụ, không có yêu cầu, đề nghị đối với H1.

Tại Kết luận giám định số 126 ngày 12/7/2022, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận:

Chữ ký đứng tên Chủ tịch Nguyễn Trung Kiên dưới mục “Người ký xác nhận” trên mẫu cần giám định khác dạng so với chữ ký của Chủ tịch Nguyễn Trung Kiên trong mẫu so sánh nên không đủ cơ sở kết luận có phải do cùng một người ký

ra hay không.

Chữ ký đứng tên Nguyễn Xuân T5 dưới mục “Giám đốc” trên mẫu cần giám định khác dạng với chữ ký của Giám đốc Nguyễn Xuân T5 trên mẫu so sánh nên không đủ cơ sở kết luận có phải do cùng một người ký ra hay không.

Hình dấu tròn trên mẫu cần giám định với hình dấu tròn mang tên “Ủy ban nhân dân huyện BG, T.Hải Dương” trên mẫu so sánh không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Không đủ cơ sở để kết luận hình dấu tròn trên mẫu cần giám định với hình dấu tròn mang tên “Công ty TNHH trí tuệ TH” trên mẫu so sánh có phải do cùng một con dấu đóng ra hay không.

Tại Kết luận giám định số 155 ngày 22/8/2022, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương, kết luận: Chữ ký đứng tên Vũ Thị H1 trên các mẫu cần giám định với chữ ký của Vũ Thị H1 trên các mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.

Tại Kết luận giám định số 185 ngày 23/9/2022, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương, kết luận:

Chữ ký tại mục “Đại diện bên B” trên các mẫu cần giám định khác dạng với chữ ký của Nguyễn Văn T1 trên các mẫu so sánh nên không đủ cơ sở kết luận có phải do cùng một người ký ra hay không.

Chữ viết “Nguyễn Văn T1” tại mục “Đại diện bên B” trên các mẫu cần giám định với chữ viết của Nguyễn Văn T1 trên các mẫu so sánh không phải do cùng một người viết ra.

Chữ ký đứng tên Lê Viết H6 trên các mẫu cần giám định khác dạng với chữ ký của của Tổng giám đốc Lê Viết H6 trên các mẫu so sánh nên không đủ cơ sở kết luận có phải do cùng một người ký ra hay không.

* Tại Cáo trạng số 31/CT-VKS-P1 ngày 05/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Vũ Thị H1 tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

**** Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2023/HS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương quyết định:***

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b khoản 3 Điều 341, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 55, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 167, Điều 579, Điều 580, Điều 582 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Thị H1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Vũ Thị H1 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 03 (ba) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Vũ Thị H1 phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/10/2022.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự:

Xác nhận bị cáo Vũ Thị H1 đã bồi thường cho chị Đỗ Thị H3 số tiền 60.000.000 đồng.

Buộc chị Đặng Thị D1 phải hoàn trả chị Đỗ Thị H3 90.000.000 đồng. Buộc chị Nguyễn Thị T2 phải hoàn trả chị Đỗ Thị H3 515.000.000 đồng. Buộc chị Nguyễn Thị L1 phải hoàn trả chị Đỗ Thị H3 165.000.000 đồng. Buộc chị Vũ Thị D2 phải hoàn trả chị Đỗ Thị H3 190.000.000 đồng. Buộc anh Nguyễn Hữu H4 phải hoàn trả chị Đỗ Thị H3 20.000.000 đồng. Buộc anh Nguyễn Đình T3 phải hoàn trả chị Đỗ Thị H3 217.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

- Ngày 25/9/2023, bị cáo Vũ Thị H1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

- Cùng ngày 04/10/2023, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Đặng Thị D1, chị Nguyễn Thị L1 có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc các chị phải trả lại tiền cho bị hại là chị Đỗ Thị H3;

- Ngày 09/10/2023, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Vũ Thị D2 có đơn kháng cáo phần trách nhiệm dân sự, đề nghị tòa án sơ thẩm tuyên chị không phải trả tiền, thanh toán hay có nghĩa vụ gì đối với cá nhân, tổ chức liên quan nào trong vụ án.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- *Quan điểm của các Luật sư bào chữa cho bị cáo và quan điểm của bị cáo thống nhất trình bày như sau:*

Luật sư Tuyệt: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân chưa từng có hành vi vi phạm pháp luật; tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ mới như: Mặc dù gia đình bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương) nhưng bị cáo đã cố gắng bồi thường cho chị H3 được 20 triệu đồng, bồi thường cho các chị D1 và D2 mỗi người được 10 triệu đồng, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo, bị cáo trong quá trình công tác được tặng thưởng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, ông của bị cáo được tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến, bản thân bị cáo là phụ nữ hiện nay đang là lao động chính trong gia đình nuôi con nhỏ và mẹ của bị cáo đang mắc bệnh ung thư. Do đó, đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo, áp dụng mức hình phạt 10 năm tù đối với cả 2 tội danh cho bị cáo.

Luật sư Năm: Quá trình giải quyết vụ án, các cơ quan tiến hành tố tụng chưa làm rõ các khoản tiền chuyển qua lại giữa bị cáo với những người bị hại, người có

quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, chưa triệu tập người cho bị cáo vay tiền để đối chất xem xét có phải là cho nhau vay lãi hay không.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, đánh giá các tình tiết có trong hồ sơ vụ án cũng như hành vi phạm tội của bị cáo, đánh giá nội dung kháng cáo của bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo là đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy bị cáo là phụ nữ có nhân thân tốt, đây là lần đầu phạm tội, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường được một phần tiền cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo và được những người này xin giảm hình phạt cho bị cáo, trong quá trình công tác bị cáo đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, ông của bị cáo có Huân chương kháng chiến. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 355, 356 và Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2023/HSST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương về hình phạt áp dụng đối với bị cáo theo hướng giảm cho bị cáo từ 20 tháng đến 24 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và giảm từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho bị cáo về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của Luật sư và của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Tại phiên tòa phúc thẩm được mở lần thứ 3, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo là chị Nguyễn Thị L1 đã nhận được giấy triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo còn lại đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi liên quan, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong thời gian từ tháng 10/2021 đến tháng 12/2021, do cần tiền đã trả nợ và kinh doanh, Vũ Thị H1 đã sử dụng máy tính xách tay, máy in để soạn thảo các tài

liệu của UBND huyện Bình Giang, Công ty MIS và Công ty Trí Tuệ TH, ký giả chữ ký của đại diện UBND huyện Bình Giang, Công ty MIS và Công ty Trí Tuệ TH; sử dụng dấu của Công ty Trí Tuệ TH đóng vào các tài liệu giả và mang đến giao cho chị Đỗ Thị H3 và anh Phạm Văn T4 để chứng minh với chị H3 khả năng trả nợ, mục đích sử dụng tiền vay và vay số tiền là 4.050.000.000 đồng của chị H3 và chứng minh với anh T4 quyền sở hữu đất ở của H1 là hợp pháp để ký hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất với anh T4. Sau đó, H1 chiếm đoạt, sử dụng số tiền vay của chị H3 là 1.257.000.000 đồng để trả nợ; còn lại số tiền 2.793.000.000 đồng, H1 đã trả chị H3 700.000.000 đồng, sử dụng 2.093.000.000 đồng để kinh doanh nhưng bị thua lỗ dẫn đến không có tiền trả cho chị H3. Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo về việc chưa xác định được chính xác số tiền bị cáo đã nhận và đã trả cho bị hại, chưa làm rõ hành vi cho vay lãi nặng của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chưa có căn cứ nên không được chấp nhận.

Bị cáo đưa ra thông tin không đúng sự thật về khả năng trả nợ, mục đích sử dụng tiền vay làm cho chị Đỗ Thị H3 tin tưởng cho bị cáo vay tiền rồi bị cáo chiếm đoạt để trả nợ người khác, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của chị Đỗ Thị H3. Việc bị cáo tiến hành làm giả các tài liệu của UBND huyện Bình Giang, Công ty MIS và Công ty Trí Tuệ TH, ký giả chữ ký của đại diện UBND huyện Bình Giang, Công ty MIS và Công ty Trí Tuệ TH; sử dụng dấu của Công ty Trí Tuệ TH đóng vào các tài liệu giả rồi mang đến giao cho chị Đỗ Thị H3 và anh Phạm Văn T4 để chứng minh với chị H3 khả năng trả nợ, mục đích sử dụng tiền vay, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính, hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý nhà nước về con dấu, tài liệu. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Số tiền bị cáo chiếm đoạt của chị Đỗ Thị H3 là 1.257.000.000 đồng để trả nợ nên hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo làm giả tài liệu của UBND huyện Bình Giang, Công ty MIS, Công ty Trí Tuệ TH và sử dụng tài liệu giả đó để lừa đảo, chiếm đoạt số tiền trên của chị Đỗ Thị H3 nên hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[2.2]. Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo: Bị cáo 06 lần đưa ra thông tin gian dối để chị Đỗ Thị H3 cho bị cáo vay tiền rồi chiếm đoạt, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; tại cấp sơ thẩm, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho chị Đỗ Thị H3 60.000.000 đồng; quá trình làm giáo viên mầm non, bị cáo được UBND huyện Bình Giang tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở, được Hiệu trưởng trường mầm non HK tặng Giấy khen, người bị hại xin giảm nhẹ cho bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, mặc dù hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương) nhưng bị cáo đã cố gắng tiếp tục bồi thường cho

chị H3 được 20 triệu đồng, bồi thường cho các chị D1 và chị D2 mỗi người được 10 triệu đồng, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo, bản thân bị cáo là phụ nữ hiện đang là lao động chính trong gia đình nuôi con nhỏ, mẹ của bị cáo bị bệnh ung thư đang phải thường xuyên điều trị tại bệnh viện (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền). Xét bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[2.3]. Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại số tiền 1.257.000.000 đồng. Tài liệu điều tra có căn cứ xác định bị cáo đã sử dụng số tiền trên để trả nợ khoản vay của chị Đặng Thị D1 100.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị T2 525.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị L1 175.000.000 đồng, chị Vũ Thị D2 200.000.000 đồng, anh Nguyễn Hữu H4 30.000.000 đồng và anh Nguyễn Đình T3 227.000.000 đồng. Những người này không biết số tiền là do bị cáo phạm tội mà có nên xác định họ là người chiếm hữu ngay tình. Theo quy định tại Điều 167 Bộ luật dân sự, chủ sở hữu tài sản là chị Đỗ Thị H3 có quyền đòi lại số tiền trên từ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Chị H3 yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ Điều 167, Điều 579, Điều 580, Điều 582 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử cần buộc chị Đặng Thị D1, chị Nguyễn Thị T2, chị Nguyễn Thị L1, chị Vũ Thị D2, anh Nguyễn Hữu H4 và anh Nguyễn Đình T3 phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho chị Đỗ Thị H3 số tiền đã nhận từ bị cáo Vũ Thị H1 nêu trên. Do bị cáo đã bồi thường cho chị Đỗ Thị H3 60.000.000 đồng nên số tiền này sẽ trừ đều cho chị D1, chị T2, chị D2, chị L1, anh H4 và anh T3 mỗi người 10.000.000 đồng. Đối với khoản nợ của bị cáo H1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các bên tự thỏa thuận giải quyết, trường hợp có tranh chấp hoặc có dấu hiệu tội phạm thì có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù có kháng cáo nhưng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do hoặc có đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến xin giảm hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Vì các lẽ trên, căn cứ Điều 355, Điều 356, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

- Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là các chị Đặng Thị D1, chị Nguyễn Thị L1 và chị Vũ Thị D2. Giữ nguyên quyết định về trách nhiệm dân sự của bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Sửa bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương về phần hình phạt áp dụng đối với bị cáo như sau:

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b khoản 3 Điều 341, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 54, Điều 55, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 167, Điều 579, Điều 580 và Điều 582 Bộ luật dân sự;

Xử phạt bị cáo Vũ Thị H1 11 (mười một) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 02 (hai) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Vũ Thị H1 phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/10/2022.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Xác nhận tại cấp phúc thẩm bị cáo Vũ Thị H1 đã trả được cho chị Đỗ Thị H3 số tiền 20.000.000 đồng; trả cho các chị Đặng Thị D1 và Vũ Thị D2 mỗi người 10.000.000 đồng.

4. Các phần còn lại khác của bản án sơ thẩm được giữ nguyên.

5. Về án phí phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Các chị Đặng Thị D1, Nguyễn Thị L1 và Vũ Thị D2 mỗi người phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được đối trừ số tiền 200.000 đồng đã nộp theo các Biên lai thu lần lượt số 0000254, số 0000255 cùng ngày 02/11/2023 và số 0000260 ngày 03/11/2023 cùng của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (các chị Đặng Thị D1, Nguyễn Thị L1 và Vũ Thị D2 mỗi người còn phải nộp 100.000 đồng).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Công an tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hải Dương;
- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo (theo địa chỉ);
- Bị cáo (thông qua trại);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Hồng Sơn

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Đình Lực

Nguyễn Tiến Dũng

Võ Hồng Sơn